



# CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

05-2019

# NỘI DUNG CHÍNH



1. Chứng quyền có bảo đảm là gì?
2. Lợi thế của Chứng quyền có bảo đảm
3. Cách thức giao dịch Chứng quyền tại thị trường VN
4. Điểm chú ý khi đầu tư vào Chứng quyền
5. Một số chiến lược giao dịch Chứng quyền

# 1. Chứng quyền có đảm bảo là gì? (Covered Warrant-CW)

## TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Thực hiện nghĩa vụ  
khi nhà đầu tư yêu  
cầu.

CW



QUYỀN PHÍ - PREMIUM  
(giá mua CW)

## NHÀ ĐẦU TƯ



Quyền mua hoặc bán  
chứng khoán cơ sở

- Tại một mức **giá xác định** trước.
- Trước hoặc tại một **thời điểm xác định** trước.

**Lưu ý:** Tổ chức phát hành luôn là người bán CW (bán CW khác với CW bán)

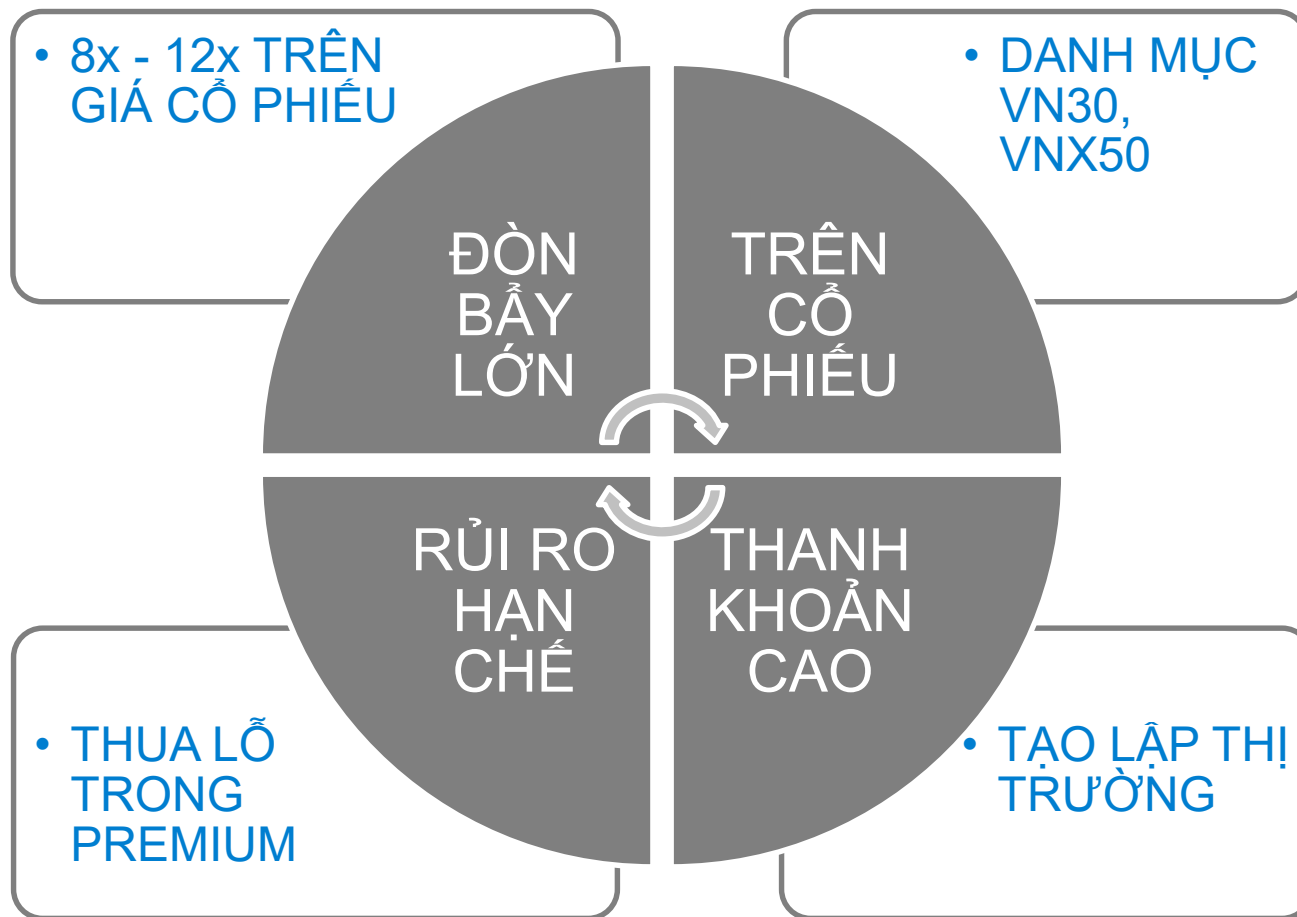
# Thông tin cơ bản của một chứng quyền có đảm bảo

Các thông số	Nội dung
1. Loại CW	Chứng quyền Mua (Call)/Chứng quyền Bán (Put)
2. Chứng khoán cơ sở	Thuộc danh mục VNX50, VN30, HNX30
3. Thời hạn	3 tháng – 2 năm (Ví dụ: 3 tháng)
4. Ngày đáo hạn	Ví dụ: 31/12/2017
5. Tổ chức phát hành	SSI
6. Nhà tạo lập thị trường	SSI
7. Hình thức thực hiện quyền	Cổ phiếu hoặc Tiền mặt
8. Khối lượng CW phát hành	Tối thiểu 1.000.000 CW
9. Giá thực hiện	Giá mà bên Mua CW được thực hiện quyền (Ví dụ: 22.000 VNĐ)
10. Tỷ lệ chuyển đổi	1:1, n:1 (n là bội số của 1); do TCPH xác định
11. Kiểu thực hiện	Kiểu châu Âu / Kiểu Mỹ

# Thông tin cơ bản của một chứng quyền có đảm bảo (tiếp)

Thông tin	Ý nghĩa	Ví dụ
Giá chứng quyền	Khoản chi phí mà nhà đầu tư phải bỏ ra nếu muốn sở hữu chứng quyền (phí premium)	1.500 đồng/chứng quyền
Giá thực hiện	Mức giá để nhà đầu tư mua/bán CKCS khi chứng quyền đáo hạn	150.000 đồng
Giá thanh toán	Mức giá được Sở GDCK xác định và công bố vào ngày đáo hạn của chứng quyền.	200.000 đồng
Phương thức thanh toán khi thực hiện quyền	Chuyển giao bằng tiền mặt.	200.000 – 150.000 = 50.000 đồng

## 2. Lợi thế của chứng quyền có đảm bảo



# So sánh CW với cổ phiếu



	Chứng quyền	Cổ phiếu
Giống		
Thị trường giao dịch	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giao ngay (cash market)</li><li>- Thời gian giao dịch</li><li>- Cơ chế giao dịch &amp; thanh toán (T+2)</li></ul>	
Khác		
Tổ chức phát hành	CTCK	Doanh nghiệp
Thời gian tồn tại	Từ 3 tháng – 2 năm	Cho tới khi Doanh nghiệp giải thể, hủy niêm yết
Giao dịch	Quyền phí	Mua Cổ phiếu
CTCK cấp margin	Không được phép	Được phép

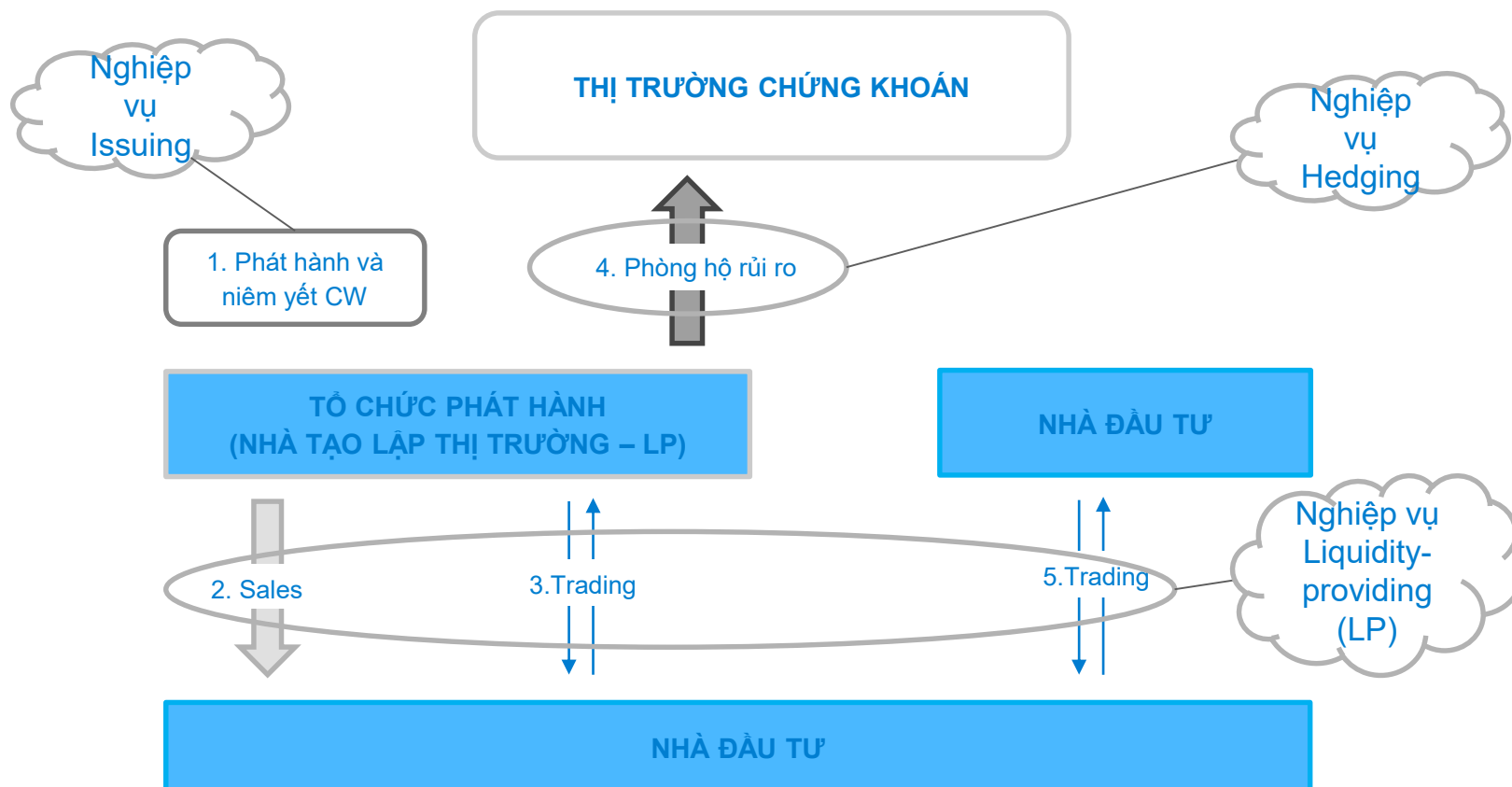
# So sánh CW với HĐTL



	Chứng quyền	HĐTL
Giống		
Tính chất	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị biến động dựa trên tài sản cơ sở</li><li>- Đòn bẩy cao</li></ul>	
Khác		
Tổ chức phát hành	CTCK	HNX
Vị thế đối với NĐT	Mua Quyền Mua (Call) Mua Quyền Bán (Put)	Có thể Long/Short
Kỳ giao dịch	T+2	T+0
Thanh khoản	Có nhà tạo lập thị trường	Chưa có nhà tạo lập thị trường



### 3. Cách thức giao dịch



### 3. Cách thức giao dịch (tiếp)



#### MUA KHI PHÁT HÀNH SƠ CẤP:

- Mua khi Phát hành lần đầu hoặc Phát hành bổ sung;
- Thời gian PH tối đa 15 ngày => SSI rút ngắn thời gian khi thực hiện PH trong 1 – 3 ngày;
- Sau 5-7 ngày để Đăng ký lưu ký và Niêm yết CW lên SGDCK;
- Ưu điểm:
  - Giá mua CW được xác định trước trong BCB;
  - Mua được với quy mô lớn khi đăng ký;
  - Giá CKCS thường tăng sau khi phát hành CW có thể khiến giá CW tăng tương ứng sau khi niêm yết;

### 3. Cách thức giao dịch (tiếp)

#### MUA/BÁN SAU KHI NIÊM YẾT:

- Giao dịch tương tự như Cổ phiếu (T+2);
- Giá giao dịch phụ thuộc vào cung/cầu CW và biến động giá CKCS;
- SSI đảm bảo thanh khoản khi quote lệnh chào mua/bán CW;
- NĐT đã mua CW khi IPO có thể Bán lại trên thứ cấp;

### 3. Cách thức giao dịch (tiếp)

- Khi cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp:
  - Giá chứng quyền không bị điều chỉnh
  - Giá thực hiện & tỷ lệ chuyển đổi bị điều chỉnh

Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

- Giao dịch và thanh toán tương tự cổ phiếu chu kỳ T+2
- Đơn vị yết giá: 10 đồng cho tất cả các mức giá của chứng quyền.
- Giá trần/sàn của chứng quyền: dựa vào biên độ dao động giá của CKCS, xác định theo công thức:

*Giá trần/sàn = giá tham chiếu CW +/- biên độ dao động giá của CKCS/tỷ lệ thực hiện*

Ví dụ:

Giá CKCS 100,000 đồng, biên độ dao động 7%. Giá tham chiếu CW là 5,000 đồng, tỷ lệ chuyển đổi 2:1

Giá trần CW =  $5,000 + (100,000 \times 7\%) / 2 = 8,500$  đồng

Giá sàn CW =  $5,000 - (100,000 \times 7\%) / 2 = 1,500$  đồng

- Phí giao dịch chứng quyền: Mức phí GD theo TK CK cơ sở

### 3. Cách thức giao dịch (tiếp)

**CHỈ** chứng quyền ở trạng thái có lãi (In-the-money):

- Thanh toán bằng tiền mặt
- Trong trường hợp nhà đầu tư không yêu cầu thực hiện quyền, tổ chức phát hành vẫn phải thanh toán tiền cho nhà đầu tư.



(1) SSI không được phát hành CW trên SSI

(2) CBTT khi là CĐ lớn (TT155)

(3) CBTT đối với người nội bộ CKCS và người có liên quan (TT155)

(Trước ngày thực hiện giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở tối thiểu là 03 ngày làm việc và Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở)

(4) Thuế khi giao dịch: 0.1% giá trị giao dịch khi bán CW

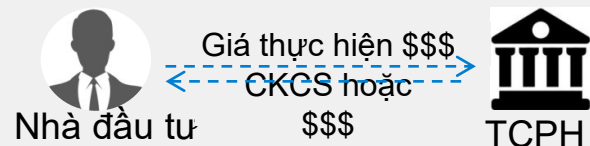
(5) Thuế khi giữ tới đáo hạn: 0.1% giá trị cổ phiếu tương đương theo mức giá thanh toán

(6) Danh mục CKCS được HOSE update định kỳ theo Quý

## 4. Điểm chú ý khi đầu tư vào CW

### CHỨNG QUYỀN MUA

Quyền **mua** chứng khoán cơ sở từ TCPH



VÍ DỤ:

Tổ chức phát hành	SSI
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Chứng khoán cơ sở	Cổ phiếu XYZ
Giá CKCS hiện tại	22.000 VND
Giá chứng quyền	2.000 VND
Giá thực hiện	22.000 VND
Thời hạn chứng quyền	03 tháng
Kiểu thực hiện quyền	Kiểu Châu Âu

# VÍ DỤ

SSI phát hành CW quyền **mua** trên cổ phiếu XYZ vào ngày 03/05/2019

- **Giá thực hiện: 22.000 VNĐ/CP**
- **Kỳ hạn: 3 tháng**
- **Đáo hạn 30/07/2019**
- **Giá XYZ ngày 3/5/2019: 22.000 VNĐ/CP**
- **Tỷ lệ hoán đổi 1:1**

Người mua (NĐT)

Có **quyền** mua cổ phiếu XYZ tại ngày đáo hạn với mức giá 22.000 VNĐ/CP

- Mức lỗ lớn nhất là quyền phí
- Mức lãi lớn nhất bằng với việc giữ CP XYZ

Trả **quyền phí** giá 2.000 VNĐ/CW

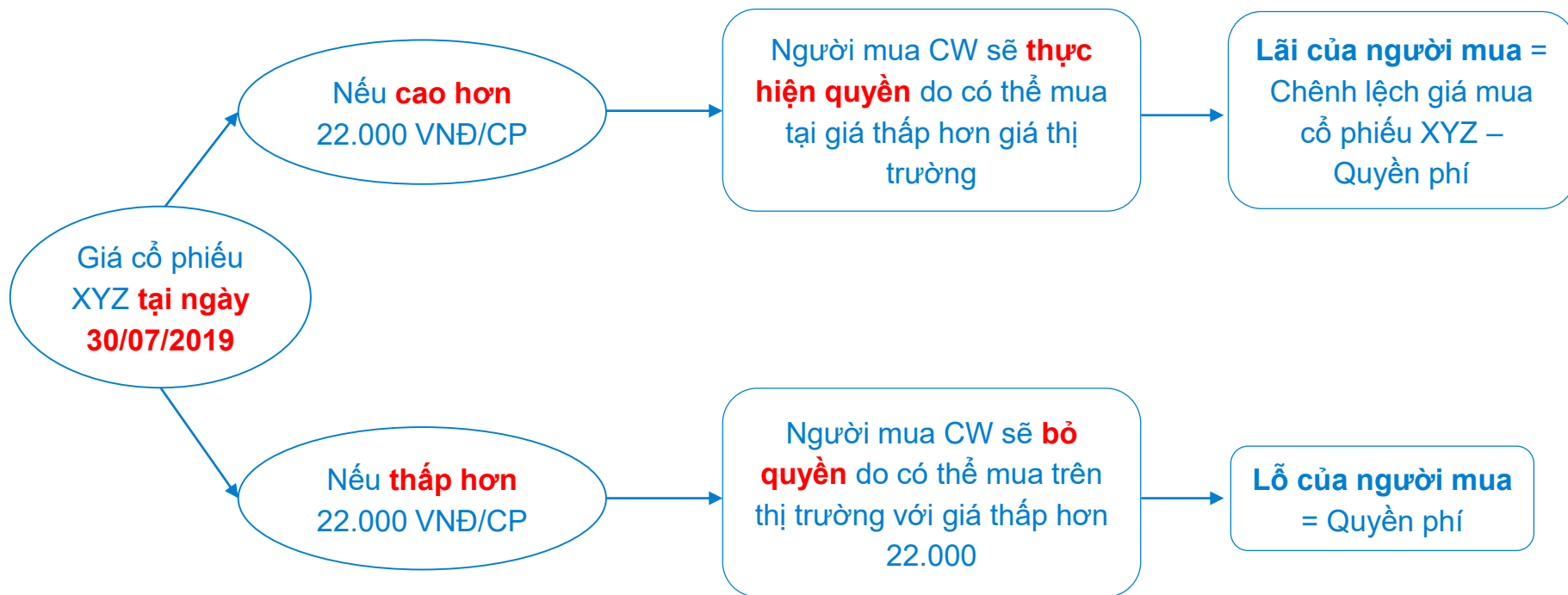
Người bán (SSI)

Có **nghĩa vụ** bán cổ phiếu XYZ khi người mua thực hiện quyền

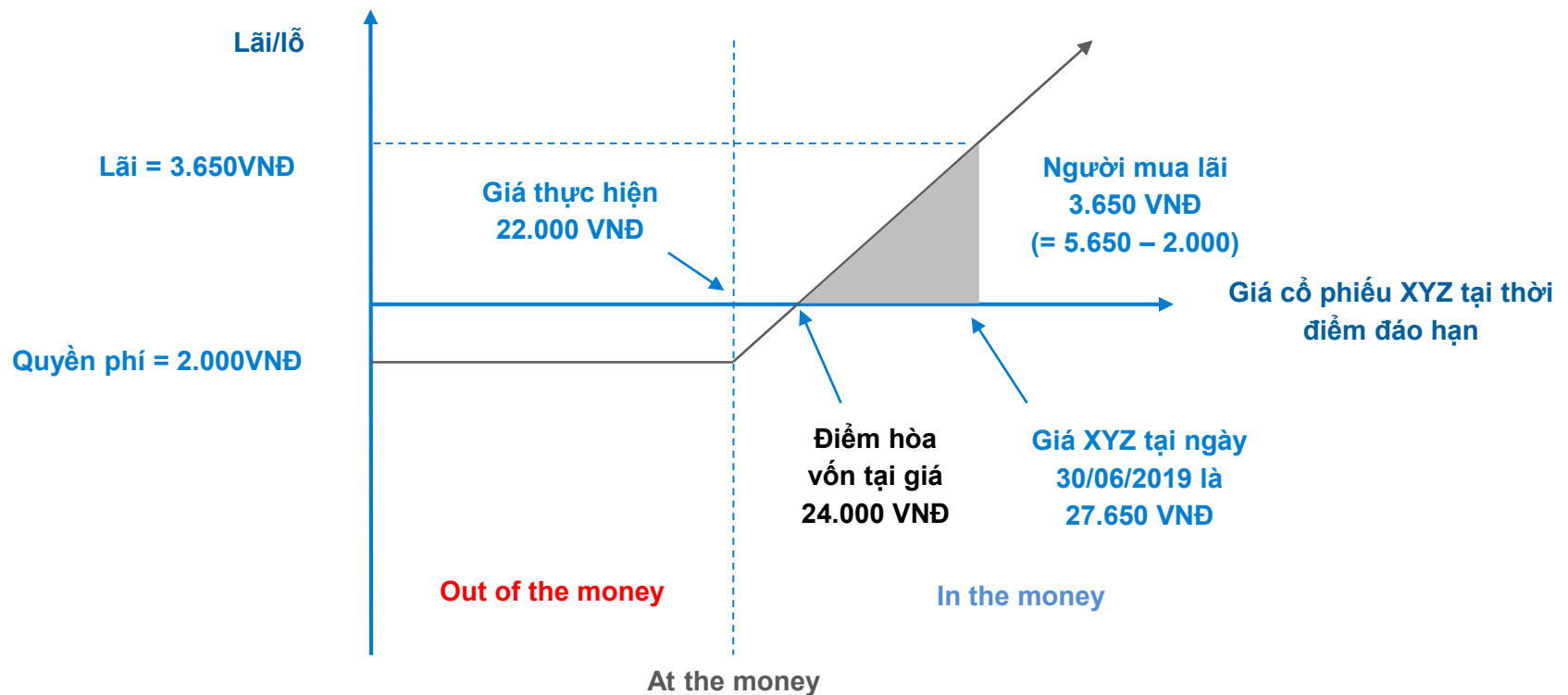
- Mức lỗ lớn nhất bằng mức lãi lớn nhất của người mua
- Mức lãi lớn nhất là quyền phí



# VÍ DỤ TÍNH TOÁN LÃI/LỖ

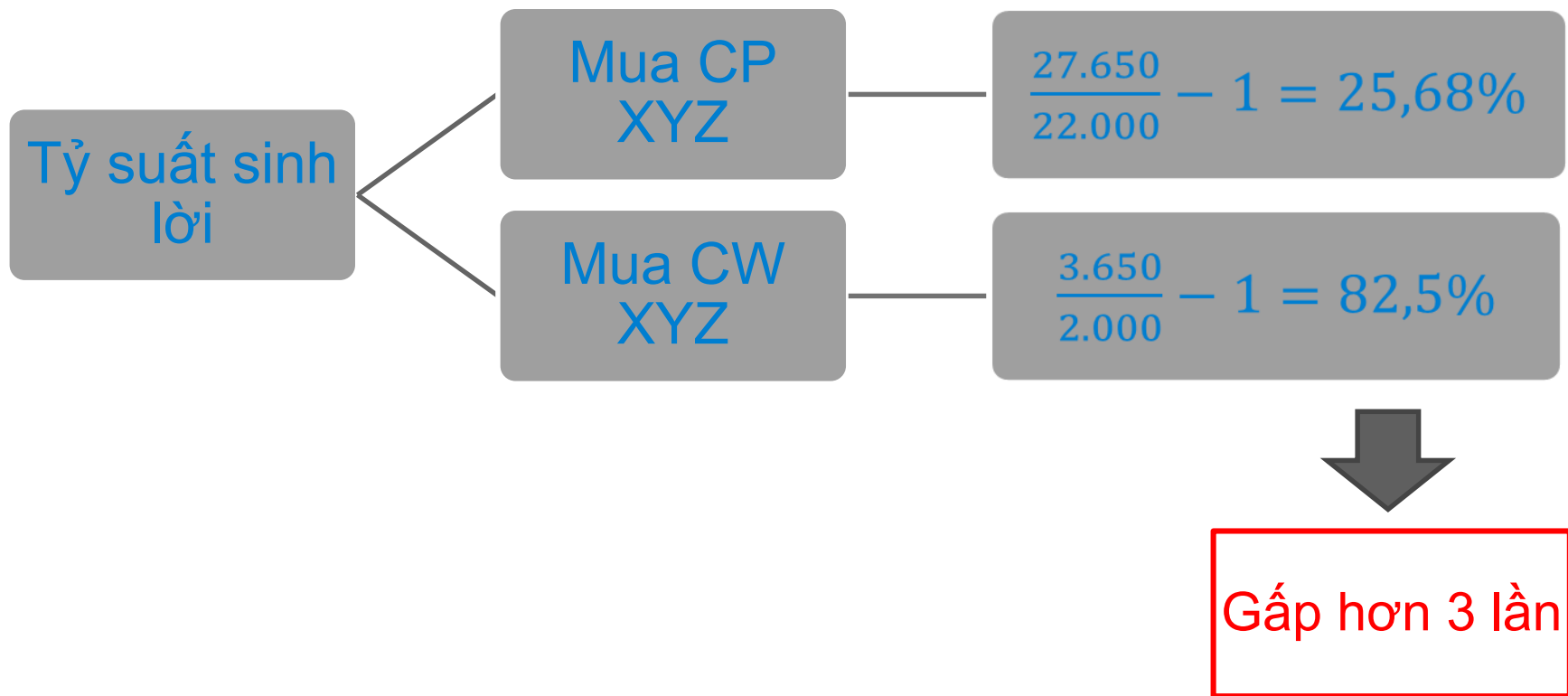


# VÍ DỤ TÍNH TOÁN LÃI/LỖ



# VÍ DỤ

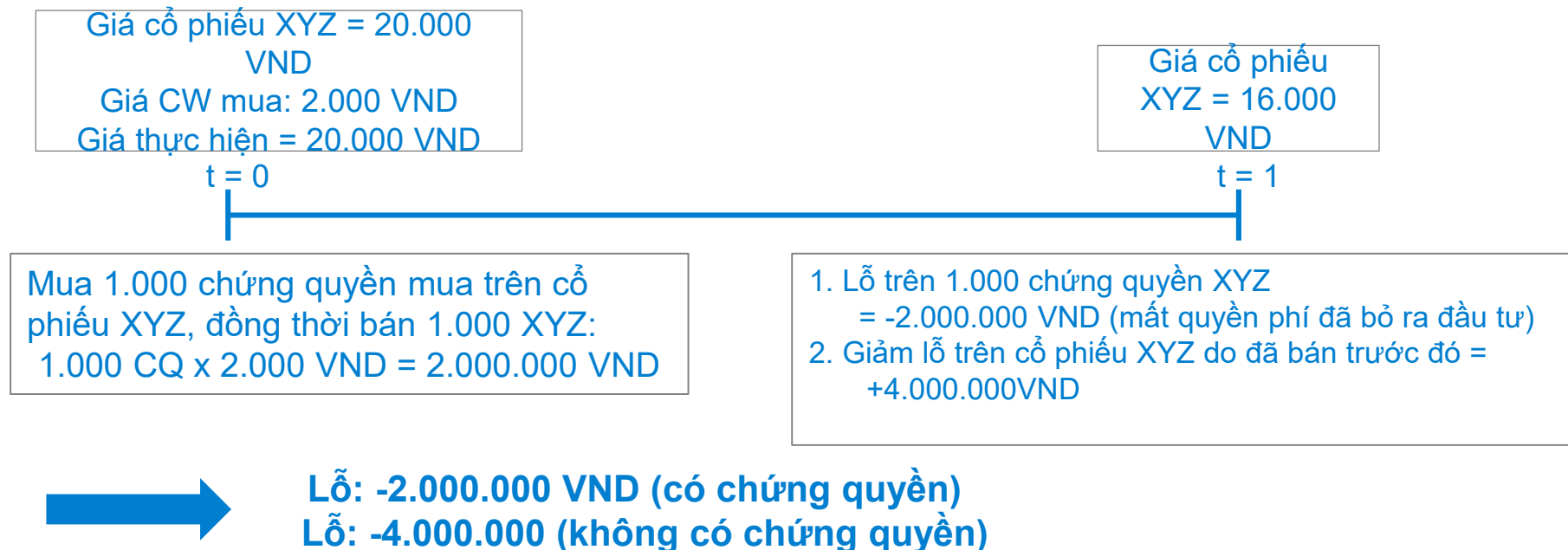
## SO SÁNH TỶ SUẤT SINH LỜI



## 5. Mục đích khi đầu tư vào CW

### Phòng ngừa rủi ro

- Mục đích: giảm thiểu mức độ rủi ro do biến động giá cả của cổ phiếu cơ sở
- Ví dụ:
  - Nhà đầu tư đang nắm giữ 1.000 cổ phiếu XYZ
  - Không dự đoán được giá XYZ trong tương lai

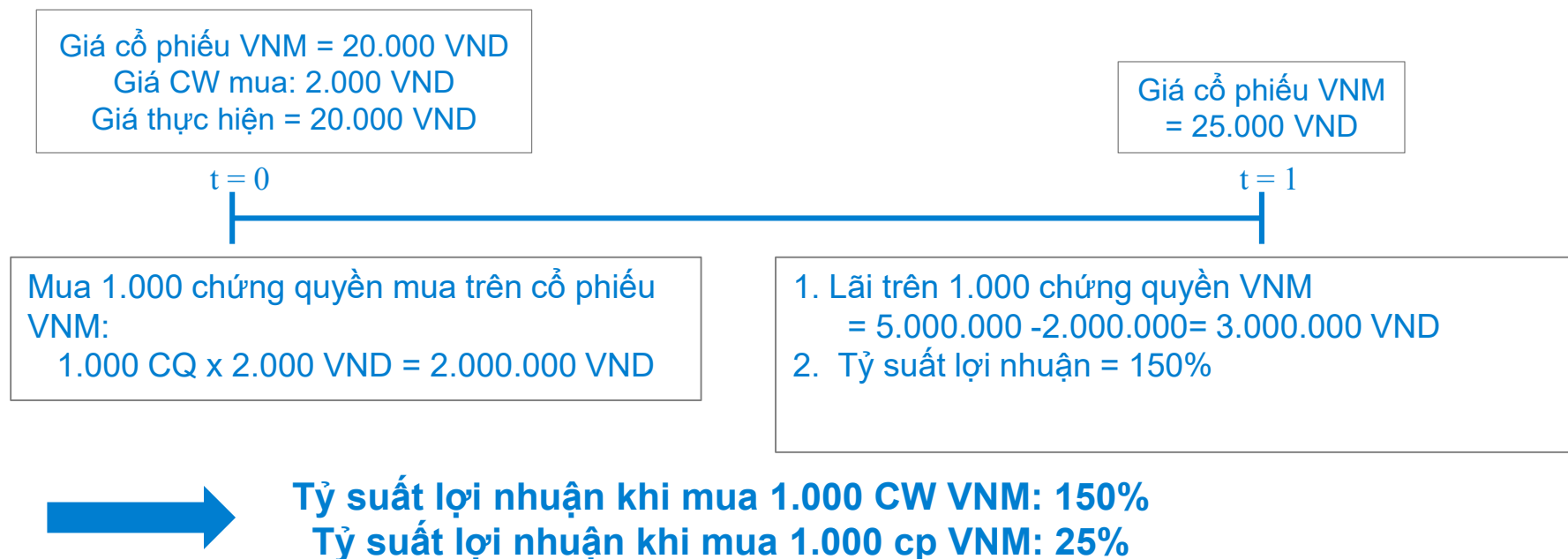


## 5. Mục đích khi đầu tư vào CW

### Đầu tư mạo hiểm

- Mục đích: kỳ vọng giá cổ phiếu cơ sở thay đổi theo dự đoán của nhà đầu tư để hưởng chênh lệch giá mà không thực hiện mua bán cổ phiếu ở thị trường cổ phiếu cơ sở

Ví dụ: NĐT dự đoán giá VNM sẽ lên giá trong tương lai



# Một số chiến lược giao dịch CW

- Chiến lược đầu tư mạo hiểm: Đầu cơ để sử dụng đòn bẩy cao  
VD: Đầu tư hoàn toàn vào chứng quyền, kỳ vọng vào trend giá lên của Cổ phiếu
- Chiến lược phòng ngừa rủi ro giá xuống nhưng không mất cơ hội khi giá lên:  
VD: Bán cổ phiếu cơ sở đang nắm giữ + Mua CW mua chính cp đó
- Chiến lược đầu tư với các cổ phiếu hết room của khối ngoại
- Chiến lược phòng vệ vị thế (khi thị trường được phát hành CW trên chỉ số) :  
VD: Bán HĐTL +Mua CW mua chỉ số

# Danh mục CKCS cho CW T4.2019

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tỷ lệ f thực tế	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	CII	247,713,403	68.09%	168,666,584	16,866,658	16,866,658
2	CTD	76,378,873	52.71%	40,261,725	4,026,173	4,026,173
3	DHG	130,746,071	21.06%	27,530,042	2,753,004	2,753,004
4	DPM	391,334,260	39.34%	153,943,201	15,394,320	15,394,320
5	EIB	1,229,432,904	81.55%	1,002,636,364	100,263,636	100,263,636
6	FPT	616,621,596	78.97%	486,916,315	48,691,631	48,691,631
7	GMD	296,924,957	83.91%	249,164,550	24,916,455	24,916,455
8	HDB	980,999,771	69.84%	685,118,210	68,511,821	68,511,821
9	HPG	2,123,907,166	56.32%	1,196,095,846	119,609,585	119,609,585
10	MBB	2,113,398,401	57.17%	1,208,174,609	120,817,461	120,817,461
11	MSN	1,163,149,548	35.94%	417,978,205	41,797,821	41,797,821
12	MWG	442,938,986	62.81%	278,220,929	27,822,093	27,822,093
13	NVL	930,446,674	31.09%	289,321,096	28,932,110	28,932,110
14	PNJ	167,002,273	78.14%	130,499,906	13,049,991	13,049,991
15	REE	310,050,926	54.57%	169,196,228	16,919,623	16,919,623
16	ROS	567,598,121	26.93%	152,859,325	15,285,933	15,285,933
17	SBT	525,139,652	45.52%	239,018,365	23,901,837	23,901,837
18	SSI	509,170,288	58.62%	298,463,640	29,846,364	29,846,364
19	STB	1,803,653,429	93.81%	1,691,966,571	169,196,657	169,196,657
20	TCB	3,496,592,160	62.14%	2,172,621,314	217,262,131	217,262,131
21	VHM	3,349,513,918	23.21%	777,582,166	77,758,217	77,758,217
22	VIC	3,191,621,230	29.11%	928,979,142	92,897,914	92,897,914
23	VJC	541,611,334	48.26%	261,365,475	26,136,548	26,136,548
24	VNM	1,741,407,855	46.08%	802,371,073	80,237,107	80,237,107
25	VPB	2,456,748,366	67.95%	1,669,468,150	166,946,815	166,946,815
26	VRE	2,328,818,410	41.13%	957,859,383	95,785,938	95,785,938

# Ví dụ mã CW

## C HPG 19 03

Mã hiệu	Nội dung
C	Loại Warrant (Call)
HPG	Cổ phiếu Hòa Phát là chứng khoán cơ sở
19	Năm phát hành 2019
03	Số thứ tự mã CW đang được niêm yết





# Q&A